



DANH SÁCH LỘT VÀO VÒNG 2 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015 (TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2015)

Sắp xếp theo quận/huyện



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: TÂY NINH

Ngày thi: 18-10-2015

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Lý Trang	Tuyên	9-Feb-01	50700048	9	9A1	Thị Trấn	Châu Thành
2	Tổng Nguyễn Minh	Khang	10-Feb-02	50700043	8	8A1	Thị Trấn	Châu Thành
3	Trần Anh	Thư	12-Apr-01	50700053	9	9A5	Thị Trấn	Châu Thành
4	Nguyễn Nhật Minh	Khôi	26-Oct-01	50700045	9	9A1	Thị Trấn	Châu Thành
5	Nguyễn Phước Tuấn	Anh	6-May-01	50700056	9	9A4	Thị Trấn	Châu Thành
6	Đặng Nhật	Vy	29-Jul-03	50700040	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
7	Trần Vương Thục	Trinh	16-Oct-01	50700050	9	9A3	Thị Trấn	Châu Thành
8	Nguyễn Thị Vân	Anh	9-Oct-01	50700051	9	9A3	Thị Trấn	Châu Thành
9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28-Aug-01	50700055	9	9A5	Thị Trấn	Châu Thành
10	Trần Anh	Thư	14-Nov-03	50700039	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
11	Nguyễn Danh	Thành	5-Nov-01	50700049	9	9A1	Thị Trấn	Châu Thành
12	Đinh Hồng	Nhân	15-May-01	50700054	9	9A5	Thị Trấn	Châu Thành
13	Phạm Ngọc	Hoàng	23-Jul-03	50700033	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
14	Nguyễn Thanh Thảo	Vy	10-Jan-03	50700041	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
15	Vũ Minh	Thư	12-Jan-01	50700052	9	9A5	Thị Trấn	Châu Thành
16	Nguyễn Võ Hương	Quỳnh	4-Oct-01	50700029	9	9A3	Thành Long	Châu Thành
17	Lê Trần Yến	Nhi	17-Nov-04	50700023	6	6A5	Thành Long	Châu Thành
18	Trần Hoàng	Phúc	21-Nov-01	50700047	9	9A1	Thị Trấn	Châu Thành
19	Đặng Thị Thu	Ngân	4-Jun-01	50700017	9	9A	An Bình	Châu Thành
20	Huỳnh Trần Bích	Tiền	26-Mar-04	50700022	6	6A5	Thành Long	Châu Thành
21	Huỳnh Yến	Nhi	1-Jan-01	50700030	9	9A3	Thành Long	Châu Thành
22	Ngô Thị Ngọc	Hiếu	18-Sep-03	50700031	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
23	Vương Hoàng Trọng	Hiếu	9-Nov-03	50700032	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
24	Nguyễn Duy	Khang	26-Oct-03	50700034	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
25	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	6-Jan-03	50700035	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
26	Lê Nguyễn Kim	Ngọc	1-Jun-03	50700037	7	7A1	Thị Trấn	Châu Thành
27	Nguyễn Đức Tiến	Dũng	7-Apr-02	50700044	8	8A2	Thị Trấn	Châu Thành
28	Phan Thanh	Lộc	31-Mar-02	50700556	8	8 3	Cầu Khởi	Dương Minh Châu
29	Trần Nguyễn Phương	Uyên	10-Jun-02	50700148	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
30	Lê Đặng Hải	Phong	7-Feb-02	50700154	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
31	Trần Đình Gia	Huy	16-Jan-02	50700152	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
32	Trần Thùy	Vân	13-May-02	50700149	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
33	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	5-Dec-02	50700147	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
34	Nguyễn Hồng Tấn	Phát	20-Jan-02	50700153	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
35	Ngô Thị Cẩm	Nhung	30-Sep-02	50700143	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
36	Nguyễn Phượng Hoàng	Oanh	13-Jul-02	50700144	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu
37	Đỗ Mỹ	Quyên	30-Jan-02	50700145	8	8.1	Thị Trấn Gò Dầu	Gò Dầu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
38	Trần Công	Vinh	18-Jul-04	50700101	6	65	Trần Hưng Đạo	Gò Dầu
39	Võ Thị Huỳnh	Trâm	12-Aug-03	50700120	7	7A3	Phước Đông	Gò Dầu
40	Nguyễn Lê Phương	Thùy	3-Dec-02	50700146	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
41	Trương Thái	Vy	5-Feb-02	50700151	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
42	Dương Thảo	Trang	17-Jun-04	50700100	6	65	Trần Hưng Đạo	Gò Dầu
43	Nguyễn Thị Kim	Liên	25-Jul-04	50700110	6	6A1	Phước Đông	Gò Dầu
44	Trần Thị	Quỳnh	26-Nov-02	50700125	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu
45	Tổng Thị Mai	Quỳnh	4-Jul-02	50700135	8	8A2	Phước Đông	Gò Dầu
46	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	17-Feb-02	50700139	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
47	Quách Hải	Luân	1-Feb-02	50700141	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
48	Mai Bùi Tấn	Sang	14-Nov-02	50700155	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
49	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	11-May-04	50700106	6	6A1	Phước Đông	Gò Dầu
50	Nguyễn Chí	Thành	25-May-04	50700118	6	6A1	Phước Đông	Gò Dầu
51	Đặng nguyên Duy	Tân	21-Feb-02	50700126	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu
52	Đặng Hồng	Thắm	28-Jul-02	50700130	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu
53	Lê Ngọc	Hiển	21-Dec-02	50700138	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
54	Trần Thế	Khải	11-Feb-04	50700102	6	65	Trần Hưng Đạo	Gò Dầu
55	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	15-Aug-04	50700103	6	65	Trần Hưng Đạo	Gò Dầu
56	Trần Lê Hữu	Vinh	7-Jan-04	50700104	6	66	Trần Hưng Đạo	Gò Dầu
57	Đỗ Quốc	Anh	1-Apr-04	50700108	6	6A1	Phước Đông	Gò Dầu
58	Phạm Thảo	Nguyên	5-Aug-04	50700112	6	6A1	Phước Đông	Gò Dầu
59	Đinh Gia	Hân	30-Jan-02	50700122	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu
60	Trần Tấn	Đạt	7-Jul-02	50700129	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
61	Lê Tuấn	Anh	13-Jul-02	50700131	8	8A1	Phước Đông	Gò Dầu
62	Vương Thị Mỹ	Duyên	8-Jun-02	50700136	8	8A2	Phước Đông	Gò Dầu
63	Nguyễn Hoài Thảo	An	27-Oct-02	50700137	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
64	Huỳnh Ngọc	Linh	14-Oct-02	50700140	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
65	Nguyễn Thị Giao	My	1-Jan-02	50700142	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
66	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	7-Nov-02	50700150	8	8.1	Thị trấn Gò Dầu	Gò Dầu
67	Nguyễn Ngọc	Minh	16-Mar-01	50700252	9	9E	MĐC	Hòa Thành
68	Trương Khánh	Duy	25-Sep-02	50700239	8	8F	MĐC	Hòa Thành
69	Bùi Lê Tuấn	Anh	27-Aug-01	50700264	9	9G	MĐC	Hòa Thành
70	Đinh Gia	Khiêm	1-Jun-01	50700266	9	9G	MĐC	Hòa Thành
71	Nguyễn Hoàng	Tâm	1-Jan-01	50700271	9	9H	MĐC	Hòa Thành
72	Võ Trần Đông	Dương	22-Sep-01	50700247	9	9A	MĐC	Hòa Thành
73	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	7-Nov-01	50700255	9	9E	MĐC	Hòa Thành
74	Nguyễn Vũ Khánh	Lam	8-Nov-01	50700270	9	9H	MĐC	Hòa Thành
75	Đinh Nguyễn Anh	Dương	25-May-01	50700278	9	9a6	LTT	Hòa Thành
76	Nguyễn Quốc	Việt	9-Jan-04	50700192	6	6K	MĐC	Hòa Thành
77	Nguyễn Thị Kiều	My	12-Oct-01	50700253	9	9E	MĐC	Hòa Thành
78	Hoàng Hà	Vy	14-Sep-04	50700193	6	6K	MĐC	Hòa Thành
79	Phạm Huỳnh	Mai	9-Sep-02	50700230	8	8A	MĐC	Hòa Thành
80	Nguyễn Khoa	Nam	29-May-02	50700242	8	8F	MĐC	Hòa Thành
81	Nguyễn Thế Thanh	Nguyên	25-Jul-01	50700267	9	9G	MĐC	Hòa Thành
82	Đặng Minh Phúc	Tâm	30-Jul-03	50700198	7	7B	MĐC	Hòa Thành
83	Đỗ Nguyễn Hoàng	Anh	28-Feb-02	50700226	8	8A	MĐC	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
84	Lê Nhật Mai	Anh	8-Aug-02	50700227	8	8A	MĐC	Hòa Thành
85	Võ Thế	Vinh	2-Dec-02	50700237	8	8A	MĐC	Hòa Thành
86	Đào Nguyễn Minh	Như	26-Oct-01	50700287	9	9A3	Trường Tây	Hòa Thành
87	Phạm Thị Ngọc	Hà	28-Oct-01	50700292	9	9A5	Trường Tây	Hòa Thành
88	Nguyễn Vĩnh	Phán	9-Oct-02	50700297	8	8A5	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
89	Lê Thị Hà	Phương	29-Jan-01	50700318	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
90	Nguyễn Đỗ Ngọc	Minh	1-Nov-03	50700195	7	7B	MĐC	Hòa Thành
91	Đặng Minh	Thư	17-Jun-03	50700201	7	7B	MĐC	Hòa Thành
92	Hồ Quốc	An	27-Apr-02	50700225	8	8A	MĐC	Hòa Thành
93	Huỳnh Mỹ	Hoa	15-Sep-02	50700229	8	8A	MĐC	Hòa Thành
94	Đinh Anh	Quốc	18-Feb-02	50700234	8	8A	MĐC	Hòa Thành
95	Đỗ Huỳnh Ngọc	Trúc	11-Nov-01	50700262	9	9F	MĐC	Hòa Thành
96	Lâm Ngọc Phương	Anh	1-Oct-01	50700269	9	9H	MĐC	Hòa Thành
97	Đoàn Hà Tâm	Đoan	18-Aug-01	50700282	9	9a4	LTT	Hòa Thành
98	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	19-May-04	50700191	6	6K	MĐC	Hòa Thành
99	Nguyễn Văn	Khánh	26-Apr-01	50700250	9	9E	MĐC	Hòa Thành
100	Nguyễn	Khang	14-May-01	50700265	9	9G	MĐC	Hòa Thành
101	Nguyễn Duy	Khanh	2-May-01	50700285	9	9a7	LTT	Hòa Thành
102	Đỗ Hồng Mỹ	Phương	18-Dec-03	50700197	7	7B	MĐC	Hòa Thành
103	Trần Nguyễn Khánh	Hà	19-Aug-02	50700228	8	8A	MĐC	Hòa Thành
104	Huỳnh Minh	Thư	30-Jun-04	50700189	6	6K	MĐC	Hòa Thành
105	Phạm Huỳnh Quốc	Thịnh	13-Jun-03	50700200	7	7B	MĐC	Hòa Thành
106	Nguyễn Đông	Nghi	24-Oct-03	50700220	7	7K	MĐC	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
107	Đoàn Lê	Khoa	30-Jan-01	50700251	9	9E	MĐC	Hòa Thành
108	Nguyễn Huỳnh	Lâm	27-Nov-01	50700276	9	9a7	LTT	Hòa Thành
109	Phạm Cao Kỳ	Ân	7-Feb-01	50700291	9	9A5	Trường Tây	Hòa Thành
110	Nguyễn Thị Hải	Đường	3-Oct-01	50700319	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
111	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	23-Apr-04	50700167	6	6A	MĐC	Hòa Thành
112	Yang Shu	Ting	3-Jul-04	50700173	6	6E	MĐC	Hòa Thành
113	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	2-Jul-04	50700184	6	6K	MĐC	Hòa Thành
114	Trần Đăng Minh	Tân	25-Oct-03	50700199	7	7B	MĐC	Hòa Thành
115	Huỳnh Ngọc	Vy	6-Mar-02	50700238	8	8A	MĐC	Hòa Thành
116	Nguyễn Tấn	Phát	22-Aug-01	50700260	9	9F	MĐC	Hòa Thành
117	Hồ Lê Quỳnh	Giao	14-Jul-01	50700273	9	9A4	Trần Bình Trọng	Hòa Thành
118	Trần Ngọc Uyển	Vy	20-May-01	50700274	9	9A1	Trần Bình Trọng	Hòa Thành
119	Huỳnh Ngọc Nha	Truc	26-Jun-01	50700279	9	9a2	LTT	Hòa Thành
120	Huỳnh Xuân	Hương	28-Jan-01	50700311	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
121	Phan Chí	Thành	3-May-01	50700328	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
122	Lê Hoàng Mỹ	An	3-Feb-03	50700205	7	7E	MĐC	Hòa Thành
123	Nguyễn Huỳnh	Hương	28-Dec-03	50700207	7	7E	MĐC	Hòa Thành
124	Trần Nguyễn Hà	My	3-May-01	50700272	9	9A4	Trần Bình Trọng	Hòa Thành
125	Huỳnh Văn	Phát	19-May-01	50700290	9	9A5	Trường Tây	Hòa Thành
126	Phan Thị Bảo	Ngọc	8-Sep-01	50700323	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
127	Nguyễn Huỳnh Minh	Phát	11-May-02	50700352	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
128	Mai	Ka	19-Feb-04	50700160	6	6A	MĐC	Hòa Thành
129	Nguyễn Thanh	An	14-Apr-04	50700174	6	6K	MĐC	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
130	Đào Anh	Phúc	8-Apr-04	50700185	6	6K	MĐC	Hòa Thành
131	Lê Nguyễn Ca	Thy	3-Jun-04	50700190	6	6K	MĐC	Hòa Thành
132	Kiều Ngọc Huỳnh	Nga	7-Aug-03	50700211	7	7E	MĐC	Hòa Thành
133	Nguyễn Bảo Ngọc	Trâm	21-Jan-03	50700218	7	7E	MĐC	Hòa Thành
134	Trần Thủy	Tiên	11-Sep-02	50700246	8	8F	MĐC	Hòa Thành
135	Nguyễn Huỳnh	Như	4-Mar-01	50700281	9	9a7	LTT	Hòa Thành
136	Đình Công	Đĩnh	12-Aug-01	50700286	9	9A3	Trường Tây	Hòa Thành
137	Nguyễn Anh	Phong	9-Sep-01	50700309	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
138	Lê Nguyễn Kim	Ngân	18-Dec-04	50700181	6	6K	MĐC	Hòa Thành
139	Phạm Nguyễn Gia	Nghi	26-Jan-03	50700203	7	7B	MĐC	Hòa Thành
140	Trần Thị Hồng	Nhung	30-Jun-03	50700213	7	7E	MĐC	Hòa Thành
141	Đặng Nhật	Phi	7-Jul-03	50700222	7	7K	MĐC	Hòa Thành
142	Phạm Uyển Yến	Nhi	13-May-02	50700232	8	8A	MĐC	Hòa Thành
143	Ngô Minh	Thuận	31-Jan-02	50700235	8	8A	MĐC	Hòa Thành
144	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	14-Jan-02	50700244	8	8F	MĐC	Hòa Thành
145	Lê Thị Nhật	Linh	7-Jul-01	50700259	9	9F	MĐC	Hòa Thành
146	Trần Trâm	Anh	2-Jul-01	50700289	9	9A3	Trường Tây	Hòa Thành
147	Phan Thị Xuân	Hương	12-Oct-02	50700301	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
148	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	7-Nov-01	50700312	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
149	Ngô Thị Ngọc	Anh	15-Jul-01	50700325	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
150	Đỗ Ngọc	Trân	16-Jan-03	50700204	7	7B	MĐC	Hòa Thành
151	Nguyễn Lê Anh	Thư	7-Nov-03	50700217	7	7E	MĐC	Hòa Thành
152	Nguyễn Thành	Trung	10-Feb-02	50700236	8	8A	MĐC	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
153	Lâm Huỳnh	Anh	8-Sep-02	50700298	8	8A6	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
154	Võ Vĩ	Khang	21-Jan-02	50700299	8	8A6	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
155	Lê Lâm	Anh	3-Jan-02	50700300	8	8A6	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
156	Lê Minh	Nguyệt	26-Nov-02	50700304	8	8A3	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
157	Mai Thị Kim	Trang	3-Apr-01	50700327	9	9A3	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
158	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	24-Oct-02	50700358	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
159	Võ Ngọc Quế	Anh	4-Oct-01	50700389	9	9A3	Ngô Quyền	Hòa Thành
160	Trần Thái Ngọc	Ngân	6-Jan-04	50700161	6	6A	MĐC	Hòa Thành
161	Lâm Bảo	Hân	19-May-03	50700194	7	7B	MĐC	Hòa Thành
162	Phạm Võ Kim	Ngân	23-Dec-03	50700219	7	7K	MĐC	Hòa Thành
163	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	14-Mar-03	50700221	7	7K	MĐC	Hòa Thành
164	Ngô Mạnh	Thường	29-Sep-01	50700306	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
165	Bùi Thị Tâm	Như	1-Jun-01	50700307	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
166	Lê Thị Xuân	Đào	30-Aug-01	50700342	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
167	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	15-Jan-02	50700354	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
168	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	28-Apr-02	50700355	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
169	Nguyễn Ngọc Linh	Cầm	17-Oct-01	50700390	9	9A1	Ngô Quyền	Hòa Thành
170	Nguyễn Đình Kim	Anh	19-Jun-04	50700175	6	6K	MĐC	Hòa Thành
171	Trang Thị Thanh	Thảo	18-May-04	50700188	6	6K	MĐC	Hòa Thành
172	Nguyễn Đỗ Ngọc	Mai	23-Nov-03	50700202	7	7B	MĐC	Hòa Thành
173	Nguyễn Lê Anh	Thư	15-Jul-03	50700223	7	7K	MĐC	Hòa Thành
174	Nguyễn Minh Kim	Thư	2-Nov-02	50700245	8	8F	MĐC	Hòa Thành
175	Nguyễn Hoàng Duy	Linh	13-May-01	50700283	9	9a1	LTT	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
176	Hồ Duy Đạt	Phúc	21-Jan-02	50700295	8	8A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
177	Trần Công	Thức	22-Jul-01	50700305	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
178	Lê Tuyết	Như	29-Mar-01	50700317	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
179	Nguyễn lê	Thuận	25-Oct-01	50700334	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
180	Nguyễn Tường	Vy	30-Oct-01	50700339	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
181	Võ Ngọc Thủy	Tiên	19-Feb-01	50700341	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
182	Nguyễn Đạt Thanh	Nhi	28-Sep-02	50700350	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
183	Trần Duy	Luận	10-Nov-02	50700353	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
184	Văn Công	Đạt	28-Jul-02	50700366	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
185	Trần Hoàng	Khải	22-Feb-02	50700373	8	8A6	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
186	Hà Phúc	Thịnh	2-Oct-03	50700379	7	7A2	Ngô Quyền	Hòa Thành
187	Dương Khả	Vy	31-Jan-00	50700380	7	7A3	Ngô Quyền	Hòa Thành
188	Nguyễn Phú	Quốc	29-Dec-02	50700388	8	8A2	Ngô Quyền	Hòa Thành
189	Lê Mỹ	Nhàn	24-Dec-04	50700163	6	6A	MĐC	Hòa Thành
190	Nguyễn Phan Mỹ	Quỳnh	30-Nov-04	50700166	6	6A	MĐC	Hòa Thành
191	Lê Thành	Phú	16-Jan-04	50700171	6	6E	MĐC	Hòa Thành
192	Nguyễn Trần Hoàng	Huy	14-Feb-04	50700177	6	6K	MĐC	Hòa Thành
193	Huỳnh Nguyên	Hy	8-May-04	50700179	6	6K	MĐC	Hòa Thành
194	Phạm Hà	My	13-Mar-04	50700180	6	6K	MĐC	Hòa Thành
195	Đinh Quỳnh Bảo	Ngọc	15-Jan-04	50700182	6	6K	MĐC	Hòa Thành
196	Diệp Yến	Nhi	13-Mar-03	50700196	7	7B	MĐC	Hòa Thành
197	Lâm Khang	Hy	14-Dec-03	50700208	7	7E	MĐC	Hòa Thành
198	Lê Trung	Khang	13-Jun-03	50700209	7	7E	MĐC	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
199	Phạm Kim	Ngân	11-Apr-03	50700212	7	7E	MĐC	Hòa Thành
200	Hồ Nguyễn Đan	Quế	3-Nov-03	50700214	7	7E	MĐC	Hòa Thành
201	Nguyễn Gia	Thịnh	20-Jan-03	50700216	7	7E	MĐC	Hòa Thành
202	Nguyễn Bình Khánh	Uyên	5-Dec-03	50700224	7	7K	MĐC	Hòa Thành
203	Hoàng Gia	Phúc	6-Dec-01	50700233	8	8A	MĐC	Hòa Thành
204	Phan Thị Ngọc	Cẩm	7-Mar-01	50700275	9	9A4	Trần Bình Trọng	Hòa Thành
205	Nguyễn Lê Gia	Hân	25-Aug-01	50700288	9	9A3	Trường Tây	Hòa Thành
206	Nguyễn Gia	Bảo	27-Aug-02	50700293	8	8A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
207	Nguyễn Thị Hương	Giang	18-May-02	50700296	8	8A5	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
208	Huỳnh Kim	Yến	29-Apr-02	50700302	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
209	Nguyễn Văn	Thịnh	1-Mar-01	50700308	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
210	Võ Thị Thanh	Tuyền	20-Oct-01	50700310	9	9A7	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
211	Trần Chí	Thiện	28-Sep-01	50700313	9	9A5	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
212	Lê Hồng	Phấn	20-May-01	50700315	9	9A5	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
213	Lê Phương	Trâm	3-May-01	50700316	9	9A5	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
214	Nguyễn Thành	Được	19-Mar-01	50700320	9	9A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
215	Trần Thị Yến	Linh	27-Sep-01	50700326	9	9A3	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
216	Lê Thị Quế	Hân	7-Apr-01	50700329	9	9A2	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
217	Nguyễn Văn	Kỳ	29-Nov-01	50700349	9	9A1	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
218	Nguyễn lê Khắc	Duy	1-Feb-02	50700356	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
219	Trương Thảo	Vy	25-Aug-02	50700359	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
220	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29-Jan-02	50700361	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành
221	Lê Diệp	Khánh	29-Sep-02	50700371	8	8A4	Nguyễn Thái Bình	Hòa Thành

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
222	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	23-Jul-03	50700384	7	7A3	Ngô Quyền	Hòa Thành
223	Nguyễn Ngọc Kiều	Phương	17-Mar-02	50700385	8	8A2	Ngô Quyền	Hòa Thành
224	Nguyễn Bảo	Vi	1-Dec-02	50700386	8	8A3	Ngô Quyền	Hòa Thành
225	Đặng Ngô Khánh	Ngọc	3-Mar-02	50700387	8	8A1	Ngô Quyền	Hòa Thành
226	Văn Thị Kiều	My	25-Jan-01	50700391	9	9A1	Ngô Quyền	Hòa Thành
227	Nguyễn Trần Khánh	Vân	2-Jul-01	50700393	9	9A2	Ngô Quyền	Hòa Thành
228	Nguyễn Đỗ Phú	Vinh	16-Mar-02	50700007	8	8V2	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
229	Phạm Bá	Tỷ	2-Apr-04	50700003	6	6V2	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
230	Nguyễn Hào	Thi	25-Jul-02	50700011	8	8T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
231	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	6-Mar-03	50700004	7	7T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
232	Võ Thị Thu	Thảo	26-Jun-01	50700012	9	9T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
233	Lê Phạm Xuân	Mai	5-Dec-01	50700013	9	9T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
234	Nguyễn Thị Hồng	Trang	18-Nov-02	50700006	8	8T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
235	Nguyễn Thị Hà	Vy	19-Jan-02	50700008	8	8T1	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
236	Nguyễn Đình Nhật	Quang	14-Jun-02	50700009	8	8V2	Thị Trấn Tân Biên	Tân Biên
237	Trần Phước	Mỹ	15-Nov-03	50700014	7	7A2	Tân Hưng	Tân Châu
238	Dương Tuấn	Dũng	11-Jan-02	50700472	8	8A5	Chu Văn An	Tây Ninh
239	Phạm Minh	Trường	21-Oct-03	50700541	7	7A1	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
240	Bùi Thanh	Phước	19-Feb-01	50700433	9	9A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
241	Lưu Thùy	Dương	2-Sep-01	50700477	9	9A1	Chu Văn An	Tây Ninh
242	Lê Ngọc Lan	Anh	20-Mar-01	50700482	9	9A5	Chu Văn An	Tây Ninh
243	Trần Lê Bảo	Ngân	11-Aug-03	50700409	7	7A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
244	Nguyễn Quốc	Khánh	7-Jan-02	50700431	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
245	Nguyễn Đình Khôi	Nguyên	4-Sep-02	50700471	8	8A5	Chu Văn An	Tây Ninh
246	Dương Trúc	Ngân	11-Jul-04	50700547	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
247	Nguyễn Thị Nguyệt	Hào	8-May-04	50700440	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
248	Nguyễn Lý Huy	Khang	21-Nov-01	50700481	9	9A1	Chu Văn An	Tây Ninh
249	Hà Ngọc Quế	Nghi	14-Jan-04	50700523	6	6A1	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
250	Lê Phạm Ngọc	Giang	23-Jun-02	50700473	8	8A5	Chu Văn An	Tây Ninh
251	Đàm Tuấn Việt	Vương	1-Feb-01	50700475	9	9A1	Chu Văn An	Tây Ninh
252	Nguyễn Nhật	Thành	28-Oct-02	50700460	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
253	Biện Thụy Yên	Khánh	30-May-02	50700464	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
254	Đặng Ngọc	Anh	3-Mar-03	50700506	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
255	Lê Tường	Vy	12-Sep-04	50700538	6	6A4	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
256	Trần Tú	Anh	20-Dec-02	50700553	8	8A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
257	Nguyễn Đình	Bảo	19-Nov-04	50700438	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
258	Trần Thanh	Tuyền	23-Dec-02	50700461	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
259	Nguyễn Quang	Nhật	15-Feb-01	50700480	9	9A1	Chu Văn An	Tây Ninh
260	Quách Huệ	Mẫn	8-Mar-01	50700404	9	9A1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
261	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	17-Oct-02	50700416	8	8A2	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
262	Lê Thị Anh	Thư	13-Dec-02	50700466	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
263	Trần Nhật	Lam	29-Oct-02	50700469	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
264	Nguyễn Trần Ngọc	Long	27-Aug-01	50700476	9	9A1	Chu Văn An	Tây Ninh
265	Đỗ Linh	Nhân	21-Apr-03	50700496	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
266	Võ Hồ Bảo	Trân	4-Mar-03	50700501	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
267	Nguyễn Ngọc Trà	Giang	26-Feb-04	50700532	6	6A4	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
268	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	14-Nov-03	50700540	7	7A1	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
269	Lê Trần Bảo	Quỳnh	6-Jan-03	50700552	7	7A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
270	Phạm Vũ Khánh	Linh	10-Nov-03	50700505	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
271	Dương Hữu	Tấn	13-Dec-02	50700422	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
272	Kiều Nguyễn Gia	Linh	26-Mar-02	50700432	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
273	Phạm Võ Hồng	Ngân	19-Nov-04	50700448	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
274	Lê Nguyễn Quốc	An	10-Mar-04	50700453	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
275	Nguyễn Phan Thu	Ngân	16-Oct-02	50700462	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
276	Nguyễn Xuân	Nguyên	16-Oct-02	50700463	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
277	Diệp Ngọc Kim	Ngân	14-Jan-02	50700467	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
278	Bùi Lê Quang	Nghĩa	12-Mar-03	50700495	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
279	Lê Minh	Thành	19-Nov-04	50700525	6	6A1	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
280	Ngô Ngọc Quỳnh	My	19-Aug-04	50700527	6	6A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
281	Huỳnh Thanh	Vân	23-Sep-04	50700551	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
282	Phạm Khánh	Vân	21-Jun-02	50700555	8	8A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
283	Nguyễn Ngọc Bích	Tuyền	7-Oct-01	50700405	9	9A1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
284	Đỗ Thụy Hoàng	Oanh	16-Jun-02	50700424	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
285	Lâm Thị Hồng	Ngân	31-Mar-04	50700459	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
286	Phan Phước	Sang	19-Feb-01	50700516	9	9A2	Nguyễn Văn Trỗi	Tây Ninh
287	Vũ Ngọc	Hương	17-Aug-02	50700521	8	8A2	Nguyễn Văn Trỗi	Tây Ninh
288	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	10-Nov-01	50700403	9	9A1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
289	Tăng Khởi	Thịnh	9-Jun-02	50700423	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
290	Nguyễn Việt Tú	Anh	5-Nov-01	50700436	9	9A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
291	Phan Lưu Cẩm	Thương	15-Feb-04	50700443	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
292	Trần Trung	Hiếu	30-Jun-04	50700446	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
293	Lê Minh	Hiển	13-Sep-04	50700543	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
294	Đặng Phương	Nghi	13-Nov-04	50700548	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
295	Nguyễn Thị Phương	Trang	1-Jul-01	50700407	9	9A1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
296	Huỳnh Minh	Bảo	30-Mar-03	50700411	7	7A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
297	Phan Phạm	Hòa	1-Jan-03	50700413	7	7A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
298	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	18-Aug-03	50700414	7	7A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
299	Vũ Hồng	Ngân	17-Jul-02	50700427	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
300	Phạm Quang	Quy	20-Nov-01	50700437	9	9A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
301	Nguyễn Diệu	Nam	30-Jan-04	50700439	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
302	Trần Nguyễn Thảo	Mai	21-Aug-04	50700442	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
303	Hồ Lê Duy Anh	Dương	8-Jan-04	50700447	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
304	Lê Đăng	Khôi	13-Jun-04	50700452	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
305	Phùng Thị Thanh	Hoa	3-Dec-03	50700486	7	7A7	Chu Văn An	Tây Ninh
306	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	16-Nov-04	50700529	6	6A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
307	Trần Thúy	Vy	12-Jan-04	50700537	6	6A4	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
308	Nguyễn Huy	Khang	24-Jun-04	50700545	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
309	Nguyễn Quốc Việt	Tiến	30-Aug-03	50700412	7	7A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
310	Trần Ngọc Lan	Hương	13-May-02	50700417	8	8A2	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
311	Huỳnh Tường	Vy	4-Sep-02	50700418	8	8A2	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
312	Nguyễn Thành	Tài	10-Apr-02	50700426	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
313	Lê Nguyễn Thảo	Quỳnh	20-Jan-01	50700434	9	9A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
314	Đỗ	Hoàng	9-Nov-04	50700444	6	6A5	Chu Văn An	Tây Ninh
315	Huỳnh Nguyễn Minh	Huy	20-Mar-04	50700455	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
316	Lý Quỳnh	Như	22-Jan-02	50700468	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
317	Lê Tuấn	Minh	12-Jan-03	50700512	7	7A8	Chu Văn An	Tây Ninh
318	Thái Thị Ngọc	Thi	15-Aug-01	50700515	9	9A1	Nguyễn Văn Trỗi	Tây Ninh
319	Phạm Thị Phương	Thảo	3-Dec-02	50700522	8	8A2	Nguyễn Văn Trỗi	Tây Ninh
320	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	24-Feb-04	50700526	6	6A1	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
321	Trần Vĩnh	Khang	10-Aug-04	50700396	6	6A 1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
322	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	13-Sep-04	50700397	6	6A 2	Phan Bội Châu	Tây Ninh
323	Nguyễn Dương Hồng	Loan	18-Feb-01	50700406	9	9A1	Phan Bội Châu	Tây Ninh
324	Lương Kim	Quế	25-Jul-02	50700419	8	8A2	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
325	Nguyễn Diệu	Thu	22-Jan-02	50700421	8	8A2	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
326	Lê Thị Tiểu	Mi	19-Jan-02	50700428	8	8A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
327	Trần Huy	Hưng	4-Mar-01	50700435	9	9A1	Võ Văn Kiệt	Tây Ninh
328	Tô Gia	Hân	29-Jan-04	50700450	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
329	Lê Châu	Đạt	29-Sep-04	50700451	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
330	Nguyễn Trần Thúy	Hiền	19-Jan-04	50700456	6	6A6	Chu Văn An	Tây Ninh
331	Đào Xuân	Mai	6-Jun-02	50700465	8	8A6	Chu Văn An	Tây Ninh
332	Cao Ngọc Nguyên	Thảo	13-Mar-03	50700500	7	7A5	Chu Văn An	Tây Ninh
333	Phạm Thục	Quyên	25-Jul-03	50700507	7	7A8	Chu Văn An	Tây Ninh
334	Lê Dương Minh	Nhật	24-Jul-03	50700511	7	7A8	Chu Văn An	Tây Ninh
335	Nguyễn Trần Minh	Ngọc	10-Sep-03	50700513	6	6A1	Nguyễn Tri Phương	Tây Ninh
336	Lâm Trúc	Quỳnh	13-Dec-04	50700528	6	6A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
337	Đào Kim	Trung	27-Mar-04	50700530	6	6A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
338	Hồ Võ Gia	Ninh	3-Aug-04	50700534	6	6A4	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
339	Lê Mỹ	Trân	9-Nov-04	50700536	6	6A4	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
340	Nguyễn Lâm Thanh	Hà	4-Sep-03	50700542	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
341	Võ Ngọc Phúc	Nguyên	17-Jan-04	50700549	7	7A2	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
342	Lê	Huỳnh	29-Oct-02	50700554	8	8A3	Trần Hưng Đạo	Tây Ninh
343	Lê Hoàng Thiên	Ân	18-Jul-01	50700098	9	9A3	An Thành	Trảng Bàng
344	Vương Hòa	Thuận	7-Jul-01	50700087	9	9/4	An Hòa	Trảng Bàng
345	Nghiêm Đình Vân	An	30-Apr-15	50700089	7	7/2	An Hòa	Trảng Bàng
346	Tạ Nguyễn Phú	Lộc	19-Aug-01	50700088	9	9/4	An Hòa	Trảng Bàng
347	Võ Thiên	Ân	10-Nov-01	50700099	9	9A3	An Thành	Trảng Bàng
348	Phan Thị Nhã	Trúc	9-Mar-01	50700085	9	9.4	Trương Tùng Quân	Trảng Bàng
349	Nguyễn Gia	Hưng	3-Dec-01	50700057	9	9/1	Gia Bình	Trảng Bàng
350	Trần Hồng	Đức	11-Sep-04	50700058	6	6/2	Gia Lộc	Trảng Bàng
351	Phạm Minh	Nhật	13-Mar-01	50700086	9	9.4	Trương Tùng Quân	Trảng Bàng
352	Nguyễn Phạm Mỹ	Quyên	3-Nov-04	50700094	6	6A3	An Thành	Trảng Bàng
353	Trần Thị Mỹ	Huyền	31-Oct-02	50700097	8	8A3	An Thành	Trảng Bàng
354	Huỳnh Quang	Vinh	14-Nov-03	50700091	7	7/6	An Hòa	Trảng Bàng
355	Võ Ngọc Thảo	Uyên	11-Apr-03	50700095	7	7A3	An Thành	Trảng Bàng
356	Lê Đình Khôi	Nguyên	1-Jan-04	50700092	6	6A	An Hòa	Trảng Bàng
357	Lê Quốc	Việt	11-Apr-04	50700065	6	6.2	Trương Tùng Quân	Trảng Bàng
358	Trần Ngọc Uyên	Thư	1-Jan-02	50700081	8	8.4	Trương Tùng Quân	Trảng Bàng
359	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	17-Feb-04	50700062	6	6.2	Trương Tùng Quân	Trảng Bàng

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
360	Lê Ái	My	18-Jul-04	50700059	6	6.2	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
361	Trần Thái	Vinh	25-Sep-04	50700068	6	6.4	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
362	Trần Ngọc Quế	Châu	11-Sep-03	50700070	7	7.2	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
363	Trương Đại	Vỹ	13-Nov-03	50700077	7	7.5	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
364	Đặng Hoàng	Quý	15-Jun-03	50700096	7	7A3	An Thành	Trảng Bàng
365	Nguyễn Quỳnh	Như	18-Jan-03	50700076	7	7.5	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
366	Võ Diễm	Quỳnh	30-Oct-04	50700061	6	6.2	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
367	Phạm Hoàng	Quyên	24-Nov-03	50700071	7	7.2	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
368	Trần Thị Yến	Nhi	20-Nov-02	50700082	8	8.4	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng
369	Nguyễn Thành	Trung	5-Oct-01	50700084	9	9.4	Trường Tùng Quân	Trảng Bàng